

Bản án số: 71 /2020/HS-ST

Ngày: 25 - 9 -2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đang và ông Lê Thanh Sơn

- Thư ký Tòa án: Ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2020. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/Nguyễn Anh T – Sinh ngày 01/5/1977 tại huyện Nh, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT: Bản X, xã K, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Ph, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thiện Th (liệt sỹ) và bà Lê Thị Nh; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và có 01 con;

- Tiền án: Tại Bản án số 72 ngày 30/11/2005 của Tòa án tỉnh Ninh Bình xử phạt 8 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/12/2013; chưa bồi thường cho ông Bùi Hoàng Th và anh Đinh Văn T mỗi người 1.100.000 đồng (ông Th và anh T đều có đơn yêu cầu thi hành án, Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình đã ra quyết định thi hành án số 04 ngày 30/12/2005 và số 07 ngày 24/02/2006 rồi ra quyết định trả đơn số 11, 12 ngày 14/8/2006 do Nguyễn Anh T chưa có điều kiện thi hành án).

- Tiền sự:

+ Tại Quyết định số 02/QĐ-CT ngày 08/11/2016 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn 03 tháng;

+ Tại Quyết định số 06/2017/QĐ-TA ngày 10/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nh, tỉnh Ninh Bình về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng;

- Nhân thân:

+ Tại Quyết định 900 ngày 30/5/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng.

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09/QĐ-XPHC ngày 13/02/2017 của Công an xã K, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình xử phạt cảnh cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

+ Tại Bản án số 33 ngày 23/9/2014 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Ninh Bình xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

+ Ngày 13/7/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa quyết định khởi tố bị can số 47 đối với Nguyễn Anh T về tội “Cướp giật tài sản” xảy ra ngày 17/02/2020 tại thôn Th, xã K, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa.

+ Ngày 19/7/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Thanh Hóa quyết định khởi tố bị can số 32 đối với Nguyễn Anh T về tội “Cướp giật tài sản” xảy ra ngày 23/02/2020 tại phố 3, thị trấn C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

+ Ngày 04/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Thanh Hóa quyết định khởi tố bị can số 65 đối với Nguyễn Anh T về tội “Cướp giật tài sản” xảy ra ngày 28/12/2019 tại thôn H, thị trấn Ph, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 12/7/2020 đến ngày 17/7/2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam theo Quyết định tạm giam số 26/2020/HSST-QĐTG ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

2/Bùi Ngọc T1 (tên gọi khác T Khèo) – Sinh ngày 14/12/1979 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Ng, xã Ng, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 3/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn K (đã chết) và bà Bùi Thị K; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và có 01 con;

- Tiền án, tiền sự: không

- Nhân thân:

+ Tại bản án số 33 ngày 25/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01 ngày 04/01/2006 của Công an huyện Th, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 200.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

+ Tại quyết định số 3262 ngày 09/11/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng;

+ Ngày 17/3/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Thanh Hóa quyết định khởi tố bị can số 12 đối với Bùi Ngọc T về tội “Cướp giật tài sản” xảy ra ngày 17/02/2020 tại thôn Th, xã K, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa.

+ Ngày 04/5/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Thanh Hóa quyết định khởi tố bị can số 39 đối với Bùi Ngọc T về tội “Cướp giật tài sản” xảy ra ngày 28/12/2019 tại thôn H, thị trấn Ph, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

+ Ngày 27/5/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Thanh Hóa quyết định khởi tố bị can số 16 đối với Bùi Ngọc T về tội “Cướp giật tài sản” xảy ra ngày 23/02/2020 tại phố 3, thị trấn C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam theo Quyết định tạm giam số 08/2020/HSST-QĐTG ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

+ Bị hại:

- Bà Trần Thị B - sinh năm 1957; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 7, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình;

- Bà Nguyễn Thanh Kh – sinh năm 1974; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 18, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình;

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lê Thị H – Sinh năm 1987; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Anh T và Bùi Ngọc T có mối quan hệ quen biết và đều không có việc làm. Từ ngày 14/8/2019 đến ngày 19/8/2019 T và T1 cùng nhau 02 lần thực hiện hành vi phạm tội “Cướp giật tài sản” tại địa bàn thành phố T cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 14/8/2019, Bùi Ngọc T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, BKS 36E1-344.xx chở Nguyễn Anh T đi trên Quốc lộ 1A, hướng Tam Điệp – Thanh Hóa với mục đích tìm sơ hở để chiếm đoạt tài sản. Khi đến khu vực đèn Dâu, T quan sát thấy bà Trần Thị B đang đứng dọn hàng tại Kiot số 2 chợ Dâu thuộc tổ 15, phường N, thành phố T, trên vai phải của bà B đeo 01 chiếc túi xách chéo, màu đen, bên trong có số tiền 4.600.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen và 01 sổ ghi chép màu vàng. T xác định trong túi xách của bà B có tài sản nên bảo T1 dừng xe để T vào chợ chiếm đoạt túi xách của bà B. T1 dừng xe mô tô tại lề đường bên phải của Quốc lộ 1A theo hướng đi, cách cổng chợ Dâu khoảng 200m để T xuống xe đi bộ qua đường Quốc lộ 1A vào trong chợ Dâu đến vị trí của bà B. Lúc này bà B đang cúi khom người dọn hàng, T áp sát phía sau bà B, tay trái nâng phần thân túi xách còn tay phải cầm vào phần dây đeo nhanh chóng, bất ngờ giật túi xách khỏi vai phải của bà B làm xước da vùng cổ vai phải rồi bỏ chạy. Phát hiện bị giật túi xách bà B tri hô và quay người để giằng lại túi xách nhưng không kịp. T lên xe mô tô T1 đang nổ máy đợi sẵn rồi điều khiển đi về hướng Thanh Hóa. Khi đến địa phận huyện H, tỉnh Thanh Hóa, T và T1 kiểm tra tài sản trong túi xách chiếm đoạt được của bà B rồi chia nhau mỗi người 2.300.000 đồng; còn chiếc túi xách, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 và 01 sổ ghi chép T vứt xuống ruộng ven đường đi do thời gian đã lâu nên không thu giữ được.

Ngày 26/8/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T có văn bản yêu cầu định giá tài sản của bà Trần Thị B bị chiếm đoạt ngày 14/8/2019. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 28/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: Trị giá còn lại của 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen là 520.000 đồng, 01 túi xách chéo màu đen là 80.000 đồng, 01

sổ tay ghi chép 9.600 đồng; tổng trị giá là 609.600 đồng. Như vậy tổng trị giá tài sản Nguyễn Anh T và Bùi Ngọc T1 chiếm đoạt của bà Trần Thị B ngày 14/8/2019 là 5.209.600 đồng.

Lần thứ 2: Khoảng 20 giờ ngày 19/8/2019, Bùi Ngọc T1 tiếp tục điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, BKS 36E1-344.xx chở Nguyễn Anh T đi trên Quốc lộ 1A, hướng Tam Điệp – Thanh Hóa tìm sơ hở để chiếm đoạt tài sản. Khi đi đến khu dân cư đối diện chợ Đồng Giao, T và T1 quan sát thấy bên trong cửa hàng thuốc tân dược Q nằm sát vỉa hè bên phải của đường Quốc lộ 1A theo hướng đi của T1 và T có chị Nguyễn Thanh Kh đang đứng trước tủ trưng bày thuốc lưng quay ra đường, nói chuyện với chủ cửa hàng thuốc là chị Phạm Thị H, tay trái của chị Kh cầm 01 ví nữ, giả da màu xanh dương, bên trong có số tiền 700.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng. T và T1 xác định trong ví của chị Kh có tài sản nên T1 điều khiển xe mô tô đi qua cửa hàng thuốc rồi dừng xe tại lề đường bên phải cách cửa hàng thuốc khoảng 15m để T xuống xe đi vào cửa hàng thuốc và đứng cách vị trí chị Kh khoảng 1m, giả vờ hỏi mua bao cao su. Chị H tưởng thật, đi vào trong lấy bao cao su để bán cho T. Lúc này, chị Kh vẫn hướng mặt về phía trong tủ trưng bày thuốc; lợi dụng chị Kh không để ý, T liền dùng tay phải nhanh chóng, bất ngờ giật chiếc ví khỏi tay của chị Kh rồi bỏ chạy. Phát hiện bị giật ví chị Kh tri hô và cùng chị H chạy đuổi theo nhưng không kịp. T lên xe mô tô T1 đang nổ máy đợi sẵn rồi điều khiển đi về hướng Thanh Hóa. Khi đến địa phận huyện Th, tỉnh Thanh Hóa, T và T1 kiểm tra tài sản trong ví chiếm đoạt được của chị Kh rồi chia nhau mỗi người 350.000 đồng; còn chiếc ví và 01 điện thoại di động Iphone 6S T vứt xuống ruộng ven đường đi, do thời gian đã lâu nên không thu giữ được.

Ngày 27/8/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T có văn bản yêu cầu định giá tài sản của chị Nguyễn Thanh Kh bị chiếm đoạt ngày 19/8/2019. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 16 ngày 03/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: Trị giá còn lại của 01 điện thoại di động Iphone 6S, màu hồng là 5.193.500 đồng, 01 ví giả da là 48.000 đồng, tổng trị giá là 5.241.500 đồng. Như vậy tổng trị giá tài sản Nguyễn Anh T và Bùi Ngọc T1 chiếm đoạt của chị Nguyễn Thanh Kh 19/8/2019 là 5.941.500 đồng.

Ngày 12/7/2020, Nguyễn Anh T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đầu thú về hành vi cùng Bùi Ngọc T1 chiếm đoạt tài sản tại thành phố T vào ngày 14/8/2019 và ngày 19/8/2019 nêu trên; đồng thời giao nộp xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, BKS 36E1-344.xx.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Anh T và Bùi Ngọc T1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 69/CT – VKS ngày 30 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Anh T và Bùi Ngọc T1 ra trước Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp để xét xử về tội: “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 và khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo

gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh T và Bùi Ngọc T1 phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm x, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Anh T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T từ **30 (ba mươi) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 12/7/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với Bùi Ngọc T1 .

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T1 từ **18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi bị truy tố như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp. Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên và Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 14/8/2019 đến ngày 19/8/2019, tại tổ 15, phường N và tổ 11, phường B, thành phố T, Nguyễn Anh T và Bùi Ngọc T1 đã 02 lần thực hiện hành vi giật chiếc túi xách của bà Trần Thị B với tổng trị giá 5.209.600 đồng và chiếc ví của chị Nguyễn Thanh Kh với tổng trị giá 5.941.500 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Theo quy định tại Điều 171. Tội cướp giật tài sản

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang tâm lý trong quần chúng nhân dân trong việc quản lý bảo vệ tài sản. Mặt khác còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn phường N và phường B nói riêng và trên địa bàn thành phố T nói chung. Do đó cần phải xử lý nghiêm minh nhằm giáo dục cải tạo các bị cáo và đồng thời góp phần phòng ngừa chung.

Trong vụ án này có hai đối tượng tham gia nhưng mang tính đồng phạm giản đơn, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đồng thời xem xét đến vai trò đồng phạm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp.

Đối với Nguyễn Anh T là người trưởng thành nhưng không chịu tu chí làm ăn luôn tìm mọi sơ hở trong việc quản lý tài sản của người dân nhằm chiếm đoạt. Bị cáo là người chủ động rủ rê bị cáo T1 thực hiện hành vi cướp giật tài sản đồng thời bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Do đó về trách nhiệm hình sự của bị cáo cao hơn so với bị cáo T1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Bùi Ngọc T1 là người trưởng thành nhận thức được hành vi cướp giật tài sản là vi phạm pháp luật, khi được T rủ bị cáo không can ngăn T mà ngược lại bị cáo tích cực tham gia cùng T thực hiện hành vi phạm tội, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi của bị cáo và thấp hơn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Nguyễn Anh T: Tại bản án số 72 ngày 30/11/2005 của Tòa án tỉnh Ninh Bình xử phạt Nguyễn Anh T 8 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/12/2013. Tính đến thời điểm phạm tội mới bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành phần bồi thường trách nhiệm dân sự (bị hại đã có đơn yêu cầu thi hành án nhưng bị cáo chưa thi hành) nên chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn tiếp tục dấn sâu vào con đường phạm tội nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 của Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài tình tiết tăng nặng trên bị cáo cùng với T1 thực hiện hai lần cướp giật tài sản nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 của Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với Bùi Ngọc T1 đã cùng với Nguyễn Anh T thực hiện hai lần cướp giật tài sản nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 của Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Ngọc T1 đã tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và Nguyễn Anh T khi chưa bị phát hiện nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Tự thú” theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Anh T có bố là liệt

sỹ; T tự nguyện ra đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân và Bùi Ngọc T1 nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội là con của liệt sĩ” và “Đầu thú” theo quy định tại điểm x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Anh T và Bùi Ngọc T1 có nhân thân rất xấu đã từng bị kết án về tội cướp giết tài sản và cưỡng đoạt tài sản, nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy.

[5] Xét tính chất hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ nghiêm để giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Anh T và Bùi Ngọc T1 không có nghề nghiệp, không có tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T và T1.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị B và bà Nguyễn Thanh Kh không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Anh T và Bùi Ngọc T1 bồi thường đối với số tài sản bị chiếm đoạt. Đối với vết xước da tại vùng cổ vai phải, bà Trần Thị B xác định thiệt hại về sức khỏe không lớn, tự khắc phục nên từ chối giám định và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, BKS 36E1-344.xx, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Lê Thị H. Khoảng tháng 5 năm 2019 chị H có cho Nguyễn Anh T mượn xe mô tô BKS 36E1-344.xx để đi lại. Việc T và Bùi Ngọc T1 sử dụng xe mô tô của chị H làm phương tiện đi cướp giết tài sản, chị H không biết. Ngày 05/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại xe mô tô BKS 36E1-344.xx cho chị H là đúng theo quy định của pháp luật.

[9] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Anh T.

- Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Ngọc T1.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Anh T và Bùi Ngọc T1 phạm tội: Cướp giật tài sản

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T **33 (ba mươi ba)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 12/7/2020.

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T1 **21 (hai mươi mốt)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án

3/Về án phí:

Buộc các bị cáo Nguyễn Anh T và Bùi Ngọc T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- Sở tư pháp
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Cơ quan CSĐT và Cơ quan thi hành án hình sự TP. Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Bị cáo;
- Bị hại.
- Người có QLNVLQ
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú